

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ M
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2024/HNGD - ST

Ngày 10/4 /2024

V/v: *Ly hôn và tranh chấp nuôi
con*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ M TỈNH ĐIỆN BIÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Thân Văn Hàm

Các Hội thẩm nhân dân

1. Bà Phạm Thị Tuyết

2. Bà Lương Thị Kim Viện

Thư ký phiên tòa: ông Vũ Đình Hiếu – Thẩm phán Tòa án nhân dân thị xã M.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã M, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh- Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã M xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 01/2023/HNGĐ –ST, ngày 07 tháng 12 năm 2023 về việc” *Ly hôn và tranh chấp nuôi con* “ theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/20124/QĐST-HNGĐ ngày 28/02/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 15/3/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lò Thị T1 - Sinh năm: 1993 (*Có mặt*)

Nơi ĐKKHKT: Bản Q, phường N, thị xã M, tỉnh Điện Biên.

Bị đơn: Anh Lò Văn T2 - Sinh năm: 1992 (*Vắng mặt*)

Nơi ĐKKHKT: Bản Q, phường N, thị xã M, tỉnh Điện Biên

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 26/10/2023 và lời khai tại Tòa nguyên đơn chị Lò Thị T1 trình bày:

Về hôn nhân: Chị T1 và anh Lò Văn T2 kết hôn với nhau ngày 24/01/2017 tại UBND phường N, thị xã Mường Lay, tỉnh Điện Biên, hoàn toàn tự nguyện không ai ép buộc hay cản trở gì. Vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 03 năm đến tháng 06/2020 thì xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, cuộc sống hôn nhân xảy ra mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Hai người đã sống ly thân từ tháng 10/2020 cho đến nay. Hiện tại tôi không còn tình cảm với anh Thành nữa. Nay tôi làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho tôi và anh Lò Văn T2.

Về con chung: Chúng tôi có một cháu, cháu tên là Lò Diệp C sinh ngày 14/8/2017. Tôi có nguyện vọng được nuôi cháu C vì cháu C ở với tôi từ bé đến nay và thuận tiện cho cháu học hành. Tôi không yêu cầu anh T2 phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quan hệ tài sản và công nợ: Về tài sản chung của vợ chồng, tài sản riêng của từng người, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Chị T1 khai không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lò Văn T2 trình bày trong bản tự khai ngày 03/01/2024. Anh và chị T1 kết hôn với nhau ngày 24/01/2017, tại UBND phường N, thị xã Mường Lay, tỉnh Điện Biên hoàn toàn tự nguyện không ai ép buộc hay cản trở gì.

Vợ chồng sống hạnh phúc không có mâu thuẫn gì, chị Toàn có đơn xin ly hôn, tôi không đồng ý. Tôi muốn hai vợ chồng có thời gian hòa giải đoàn tụ.

Về con chung: Chúng tôi có một cháu, cháu tên là Lò Diệp C sinh ngày 14/8/2017. Nếu ly hôn tôi đồng ý giao cháu Lò Diệp C cho chị T1 nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con tôi không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quan hệ tài sản và công nợ: Về tài sản chung của vợ chồng, tài sản riêng của từng người, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: anh Thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 26/01/2024 để vợ chồng quay về đoàn tụ. Chị T1 có mặt, anh T2 vắng mặt không có lý do. Nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Ngày 15/3/2024 Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do. Tòa án ra quyết định hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở phiên tòa vào hồi 14 giờ ngày 10/4/2024 .

Tại phiên tòa, kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham

gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thụ lý đã tuân theo đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và quá trình xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng:

- Đối với nguyên đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70,71 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với bị đơn: Không thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại Điều 70,72 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015. Vắng mặt không có lý do ở phiên hòa giải và phiên tòa.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về hôn nhân: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lò Thị T1 về việc ly hôn với anh Lò Văn T2.

- Về con chung: Chị T1 và anh T2 có 01 con chung, cháu tên là Lò Diệp C sinh ngày 14 tháng 8 năm 2017, xét nguyện vọng của chị Toàn muốn được nuôi con và anh T2 đồng ý giao con cho chị T1 nuôi dưỡng. Do vậy chấp nhận yêu cầu của chị T1 là xin được nuôi con theo quy định theo Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, anh T2 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về quan hệ tài sản và công nợ: Không có

- Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016 UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội chị Lò Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả hỏi tại phiên tòa và tên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của nguyên đơn tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Lò Thị T1 có đơn khởi kiện về việc ly hôn với anh Lò Văn T2 có hộ khẩu thường trú tại bản Q, phường N, thị xã M, tỉnh Điện Biên. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều

68 Bộ Luật tố tụng dân sự xác định đây là vụ án: “Ly hôn và tranh chấp nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh Điện Biên.

[2] Về hôn nhân: Chị Lò Thị T1 và anh Lò Văn T2 kết hôn với nhau năm 2017, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường N, thị xã M, tỉnh Điện Biên là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn cuộc sống chung vợ chồng chị Lò Thị T1 và anh Lò Văn T2 hạnh phúc được khoảng 03 năm sau đó nảy sinh mâu thuẫn do cách sống của hai người không hợp nhau. Anh Thành không muốn ly hôn muốn đoàn tụ nhưng anh không có biện pháp gì để vợ chồng sống chung một mái nhà, anh Thành và chị Toàn đều xác định vợ chồng đã sống ly thân.

Chị Lò Thị T1 xác định tình cảm giữa chị và anh T2 đến nay không còn, hôn nhân đã thực sự tan vỡ không thể hàn gắn được nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Thành. HĐXX xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Toàn và anh T2 đã thực sự tan vỡ, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng hai vợ chồng đã sống ly thân không quan tâm đến nhau, anh T2 không có giải pháp gì để khắc phục mâu thuẫn của vợ chồng, chị T1 vẫn xin ly hôn để giải phóng cho cả hai người. Vì vậy xử cho chị Lò Thị T1 được ly hôn anh Lò Văn T2 là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, để cho mỗi người tạo dựng cuộc sống mới.

[3] Về con chung: Chị T1 và anh T2 có một cháu, cháu tên là Lò Diệp C sinh ngày 14 tháng 8 năm 2017, chị Toàn có nguyện vọng được nuôi cháu Lò Diệp C anh T2 cũng nhất trí. Về cấp dưỡng nuôi con chung cả Chị T1 và anh T2 đều không yêu cầu giải quyết. HĐXX xét thấy nguyện vọng nuôi con của chị Toàn là chính đáng, anh Thành cũng đồng ý để cháu Lò Diệp C cho chị T1 nuôi dưỡng. Do vậy HĐXX giao cháu Lò Diệp C cho chị T1 chăm sóc nuôi dưỡng đến khi cháu trưởng thành là phù hợp với quy định theo Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Chị T1 không yêu cầu anh Lò Văn T2 đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung, đây là sự tự nguyện của chị Toàn nên HĐXX không xem xét. Anh Lò Văn T2 được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lò Thị T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016 UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội chị Lò Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; điểm b, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016 UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lò Thị T1 và anh Lò Văn T2.
2. Về con chung:
 - 2.1 Giao cháu Lò Diệp C cho chị Lò Thị T1 trực tiếp nuôi dưỡng.
 - 2.2 Anh Lò Văn T2 không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Lò Thị T1.
 - 2.3 Anh Lò Văn T2 được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.
3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lò Thị T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.
4. Về án phí: Chị Lò Thị T1 phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số: 0001504, ngày 07/12/2023 của chi cục Thi hành án dân sự thị xã M. Chị Lò Thị T1 đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.
5. Áp dụng Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 chị Lò Thị T1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án(10/4/2024). Anh Lò Văn T2 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi Nhận:

- VKSND thị xã;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- Chi cục THADS thị xã;
- UBND P. Na Lay, TX Mường Lay;
- Lưu KT; hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Thân Văn Hàm